

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ xã Ea Knốp giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 370/KH-UBND, ngày 22/8/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phát triển khoa học, công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có thẩm quyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; UBND xã Ea Knốp ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn xã Ea Knốp giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương và Kế hoạch số 370/KH-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk về phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn và phạm vi quản lý của xã Ea Knốp.

Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trở thành một trong những giải pháp quan trọng phục vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chủ động phát hiện, tổng hợp các vấn đề thực tiễn của địa phương; phối hợp với các cơ quan chuyên môn, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hợp tác xã để nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ phù hợp.

Tập trung ứng dụng khoa học, công nghệ vào những lĩnh vực có lợi thế của xã, nhất là nông nghiệp, sản xuất và chế biến nông sản, phát triển sản phẩm OCOP, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Từng bước hình thành môi trường đổi mới sáng tạo tại cơ sở, khuyến khích cán bộ, công chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, đoàn viên, hội viên và Nhân dân chủ động ứng dụng công nghệ, sáng kiến và giải pháp mới vào lao động, sản xuất và đời sống.

2. Yêu cầu

Việc triển khai phải thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thẩm quyền và khả năng nguồn lực của cấp xã, tránh hình thức, dàn trải.

Ưu tiên các nhiệm vụ xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương, có sản phẩm, kết quả đầu ra cụ thể và khả năng áp dụng, nhân rộng.

Tăng cường phối hợp, thực hiện giữa UBND xã với các Sở, ngành của tỉnh để liên kết viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức liên quan tham gia.

Việc đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ phải bảo đảm không trùng lặp với các chương trình, dự án đã triển khai và không vượt quá phạm vi, thẩm quyền được giao. Đây cũng là một trong các tiêu chí xác định nhiệm vụ được Kế hoạch 370/KH-UBND của tỉnh đặt ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số trên địa bàn xã Ea Knốp; lấy hiệu quả ứng dụng và tác động thực tiễn làm trọng tâm; tập trung giải quyết các vấn đề của địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, chất lượng quản lý nhà nước và đời sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về quản lý nhà nước

100% cán bộ, công chức được tuyên truyền, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với vị trí việc làm.

100% bộ phận chuyên môn chủ động ứng dụng các nền tảng số, phần mềm và hệ thống thông tin dùng chung trong giải quyết công việc.

Tăng cường sử dụng dữ liệu số phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

Hàng năm rà soát nhu cầu về thiết bị, đường truyền, phần mềm, an toàn thông tin; đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ đối với các nội dung vượt khả năng cân đối của xã.

2.2. Về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

Chủ động phối hợp đề xuất, tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế của xã.

Phân đầu giai đoạn 2026 - 2030 có các mô hình, giải pháp hoặc nhiệm vụ được nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng thực tế tại địa phương.

Ưu tiên các công nghệ có khả năng ứng dụng trực tiếp, chi phí phù hợp, dễ vận hành và có khả năng nhân rộng.

2.3. Về nông nghiệp và phát triển kinh tế

Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nhất là các cây trồng, vật nuôi chủ lực.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, chế phẩm sinh học, quy trình sản xuất an toàn, sản xuất hữu cơ, nông nghiệp thông minh và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu.

Đề xuất, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất từng bước ứng dụng truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch, thương mại điện tử và nền tảng số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

Kế hoạch của tỉnh xác định nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, IoT, AI, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị nông sản là những hướng ưu tiên.

2.4. Về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

Tiếp tục triển khai hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền xã.

Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử và các nền tảng số phục vụ người dân.

Tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”, nghiên cứu triển khai mô hình “Nhà văn hóa số” và hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Khuyến khích ứng dụng các công cụ số, AI và các giải pháp công nghệ phù hợp để nâng cao năng suất, chất lượng công việc.

2.5. Về dữ liệu và môi trường

Rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã theo hướng “đúng, đủ, sạch, sống, liên thông và dùng chung”.

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, quản lý chất thải và sản xuất nông nghiệp bền vững.

Khuyến khích các mô hình tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học và phát triển kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện địa phương.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan; coi công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Giới thiệu và tuyên truyền các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ có hiệu quả trên địa bàn.

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền thông qua Trang thông tin điện tử xã, hệ thống truyền thanh, mạng xã hội, các hội nghị, sinh hoạt cộng đồng.

2. Xây dựng danh mục các bài toán thực tiễn của xã

Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, thôn/buôn rà soát, đề xuất các vấn đề cần giải quyết bằng khoa học, công nghệ.

Trong đó, tập trung vào các nội dung:

- Sản xuất nông nghiệp hiệu quả, tiết kiệm nước và thích ứng biến đổi khí hậu;
- Phòng, chống sâu bệnh và nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi;
- Bảo quản, chế biến nông sản;
- Truy xuất nguồn gốc sản phẩm;
- Phát triển sản phẩm OCOP và thương hiệu địa phương;
- Quản lý môi trường, chất thải nông nghiệp;
- Số hóa dữ liệu phục vụ quản lý;
- Cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công;
- Ứng dụng AI, nền tảng số trong quản lý, điều hành;
- Các vấn đề khác phát sinh từ thực tiễn địa phương.

Việc lựa chọn nhiệm vụ phải bảo đảm có mục tiêu, sản phẩm đầu ra, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, địa chỉ ứng dụng và khả năng nhân rộng, phù hợp với tiêu chí của Kế hoạch tỉnh.

3. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trong nông nghiệp

3.1. Trồng trọt

Ứng dụng giống cây trồng có năng suất, chất lượng và khả năng thích nghi tốt;
 Áp dụng tưới tiết kiệm, tưới tự động;
 Sử dụng phân bón hợp lý, chế phẩm sinh học;
 Ứng dụng quy trình sản xuất an toàn, tiêu chuẩn GAP, hữu cơ;
 Ứng dụng công nghệ số để theo dõi quá trình sản xuất;
 Từng bước xây dựng vùng sản xuất có mã số, truy xuất nguồn gốc.

3.2. Chăn nuôi

Ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học;
 Ứng dụng công nghệ trong theo dõi đàn vật nuôi;
 Khuyến khích sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải;
 Tăng cường kiểm soát dịch bệnh và nâng cao chất lượng sản phẩm.

3.3. Chế biến và tiêu thụ nông sản

Phối hợp với các Sở ngành liên quan, doanh nghiệp, hợp tác xã nghiên cứu về các nội dung, lĩnh vực:

- Công nghệ sơ chế, bảo quản;
- Công nghệ chế biến sâu;
- Bao bì, nhãn hàng hóa;
- Mã QR và truy xuất nguồn gốc;

- Quảng bá, bán hàng trên nền tảng số.

4. Phát triển sản phẩm OCOP, sở hữu trí tuệ và thương hiệu

Rà soát các sản phẩm có tiềm năng phát triển thành sản phẩm OCOP.

Hướng dẫn tổ chức, cá nhân nâng cao chất lượng, bao bì, nhãn hiệu và khả năng truy xuất nguồn gốc.

Phối hợp hỗ trợ đăng ký, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu sản phẩm theo quy định.

Tăng cường ứng dụng nền tảng số để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện theo Kế hoạch tỉnh đặt trọng tâm vào phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

5. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý nhà nước

Đẩy mạnh xử lý công việc trên môi trường điện tử, khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung.

Tăng cường số hóa hồ sơ, tài liệu và dữ liệu, ứng dụng dữ liệu phục vụ theo dõi, phân tích và tham mưu chỉ đạo điều hành.

Từng bước nghiên cứu, ứng dụng AI và các công cụ hỗ trợ phù hợp trong tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo, tuyên truyền và cung cấp thông tin cho người dân, bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật và an toàn thông tin.

Kế hoạch tỉnh yêu cầu tăng cường ứng dụng nền tảng số trong quản lý, theo dõi, thống kê và đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu và chia sẻ thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành.

6. Phát triển nguồn nhân lực

Hàng năm xây dựng hoặc đăng ký tham gia các chương trình tập huấn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số; trí tuệ nhân tạo AI; quản trị dữ liệu; sở hữu trí tuệ; truy xuất nguồn gốc; thương mại điện tử; kỹ năng ứng dụng công nghệ trong sản xuất.

Khuyến khích cán bộ, công chức chủ động học tập, cập nhật công nghệ mới.

Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong phổ biến kiến thức và hỗ trợ người dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ Ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được phân bổ hằng năm; nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan; nguồn xã hội hóa hỗ trợ của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí gửi bộ phận kế toán tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là đầu mối tham mưu UBND xã tổ chức triển khai Kế hoạch, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện. Triển khai các cơ quan, đơn vị rà soát các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, cập nhật, số hóa; xác định dữ liệu dùng chung; kết nối, khai thác các hệ thống được cấp có thẩm quyền triển khai.

Chủ trì rà soát, tổng hợp các bài toán thực tiễn và đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

2. Phòng Kinh tế xã

Chủ trì rà soát nhu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, đề xuất mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, hữu cơ, tuần hoàn phù hợp với địa phương.

Phối hợp triển khai truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, phát triển sản phẩm OCOP, đề xuất các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Chủ trì, tham mưu UBND xã trong tổng hợp và phát triển hệ thống dữ liệu số phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của xã. Nâng cao chất lượng dữ liệu, tạo cơ sở phục vụ chính quyền số và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai rà soát các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, cập nhật, số hóa; xác định dữ liệu dùng chung; kết nối, khai thác các hệ thống được cấp có thẩm quyền triển khai. Báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của UBND xã.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và thanh toán không dùng tiền mặt.

Rà soát những khó khăn trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính để đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp tuyên truyền, phổ biến và triển khai các hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; đề xuất nhu cầu trang thiết bị, kinh phí theo khả năng thực tế..

6. Các thôn, buôn và Tổ Công nghệ số cộng đồng

Chủ động phát hiện các nhu cầu, vấn đề thực tiễn của người dân cần hỗ trợ bằng khoa học, công nghệ.

Thông tin, tuyên truyền đến người dân ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và đời sống, phối hợp triển khai các mô hình khoa học, công nghệ, chuyển đổi số tại cộng đồng.

7. Các trường học, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; phối hợp đề xuất và triển khai các mô hình phù hợp với địa phương.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã khi được yêu cầu (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp.

Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn xã Ea Knốp giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, triển khai thực hiện./.

(Gửi kèm Phụ lục Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ).

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND;
- Các Phòng chuyên môn;
- Các Trung tâm thuộc UBND xã;
- Công an xã;
- Trạm y tế xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Các thôn, buôn và Tổ CNSCĐ;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hưng

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRỌNG TÂM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ EA KNÓP
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 9 năm 2026 của UBND xã Ea Knốp)

STT	Tên nhiệm vụ/đề án/mô hình	Sự cần thiết, mục tiêu	Nội dung triển khai chủ yếu	Sản phẩm, kết quả đầu ra	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn kinh phí dự kiến
01	Xây dựng danh mục các bài toán thực tiễn của xã cần giải quyết bằng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chủ động phát hiện những vấn đề thực tế trong quản lý, sản xuất và đời sống để đề xuất giải pháp KHCN phù hợp.	Rà soát hằng năm tại các bộ phận chuyên môn, thôn, buôn; xác định vấn đề; xây dựng hồ sơ đề xuất; lựa chọn bài toán có tính cấp thiết, khả thi.	Danh mục bài toán KHCN của xã; hồ sơ đề xuất nhiệm vụ; danh mục nhiệm vụ ưu tiên hằng năm.	Hằng năm	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị, thôn, buôn, HTX, doanh nghiệp	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
02	Ứng dụng khoa học, công nghệ xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh, tiết kiệm và thích ứng biến đổi khí hậu	Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất; giảm chi phí và sử dụng hiệu quả tài nguyên.	Khảo sát lựa chọn mô hình; ứng dụng tưới tiết kiệm/tự động; cảm biến, thiết bị theo dõi; sử dụng giống, phân bón, chế phẩm sinh học phù hợp; đánh giá hiệu quả.	Ít nhất 01 mô hình trình diễn; quy trình kỹ thuật; báo cáo đánh giá hiệu quả; khả năng nhân rộng.	2027 - 2029	Phòng kinh tế xã	Sở KH&CN, viện, trường, doanh nghiệp, HTX, Hội nông dân xã, hộ dân	Kinh phí KHCN, ĐMST và CDS, chương trình hỗ trợ, xã hội hóa

03	Ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc và phát triển sản phẩm nông nghiệp, OCOP của địa phương	Nâng cao giá trị, uy tín, khả năng tiêu thụ sản phẩm địa phương.	Rà soát sản phẩm tiềm năng; hỗ trợ chuẩn hóa thông tin; mã QR; truy xuất nguồn gốc; hoàn thiện bao bì, nhãn hàng hóa; quảng bá trên nền tảng số.	03 - 05 sản phẩm/nhóm sản phẩm được hỗ trợ; hệ thống/thẻ QR truy xuất; hồ sơ thông tin sản phẩm; kênh quảng bá số.	2026 - 2030	Phòng kinh tế xã	Sở KH&CN, HTX, hộ SXKD, doanh nghiệp	Ngân sách và xã hội hóa
04	Hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ trong sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản	Khắc phục tình trạng sản phẩm chủ yếu tiêu thụ ở dạng thô, nâng cao giá trị gia tăng.	Khảo sát nhu cầu; lựa chọn sản phẩm có tiềm năng; phối hợp chuyển giao công nghệ sơ chế, bảo quản, chế biến; hướng dẫn tiêu chuẩn chất lượng.	01 - 02 mô hình/cơ sở được hỗ trợ hoặc chuyển giao công nghệ; quy trình sơ chế/bảo quản/chế biến; sản phẩm thử nghiệm.	2027 - 2030	Phòng kinh tế xã	Sở KH&CN, Sở NN&MT, doanh nghiệp, HTX, viện, trường	Nguồn KHCN, khuyến công, chương trình hỗ trợ, xã hội hóa
05	Xây dựng và phát triển hệ thống dữ liệu số phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của xã	Nâng cao chất lượng dữ liệu, tạo cơ sở phục vụ chính quyền số và ra quyết định dựa trên dữ liệu.	Rà soát các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, cập nhật, số hóa; xác định dữ liệu dùng chung; kết nối, khai thác các hệ thống được cấp có thẩm quyền triển khai.	Danh mục dữ liệu; dữ liệu được chuẩn hóa; quy trình cập nhật, khai thác; báo cáo/bảng điều hành phục vụ chỉ đạo, điều hành.	2026 - 2030	Văn phòng HĐND&UBND	Các phòng chuyên môn, Công an xã, đơn vị cung cấp nền tảng	Ngân sách CDS, KHCN và nguồn hợp pháp khác

06	Ứng dụng nền tảng điều hành tác nghiệp số và các công cụ trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động của UBND xã	Nâng cao năng suất xử lý công việc, chất lượng tham mưu và hiệu quả chỉ đạo, điều hành.	Triển khai nền tảng điều hành tác nghiệp; số hóa quy trình; theo dõi tiến độ nhiệm vụ; nghiên cứu ứng dụng AI trong tổng hợp, phân tích, tra cứu, xây dựng báo cáo và hỗ trợ người dân, bảo đảm an toàn thông tin.	Nền tảng/hệ thống điều hành; quy trình tác nghiệp số; một số công cụ AI được ứng dụng thực tế; báo cáo đánh giá hiệu quả.	2026 - 2030	Phòng Văn hóa - Xã hội xã; Văn phòng HĐND & UBND	Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị	Ngân sách địa phương, ngân sách KHCN/ CDS và xã hội hóa
07	Nghiên cứu phát triển mô hình “Nhà văn hóa số” gắn với Phong trào “Bình dân học vụ số”	Đưa ứng dụng KHCN, CDS đến gần người dân; nâng cao kỹ năng số và khả năng tiếp cận dịch vụ số.	Trang bị hạ tầng, thiết bị phù hợp; hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán số, thương mại điện tử; đào tạo kỹ năng số cho người dân.	Mô hình Nhà văn hóa số tại các thôn, buôn; điểm hỗ trợ kỹ năng số; người dân được hướng dẫn sử dụng các tiện ích số.	2026 - 2030	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Công an xã, các thôn, buôn, Tổ CNSCĐ, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ	Ngân sách CDS và xã hội hóa
08	Ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bảo vệ môi trường, xử lý chất thải nông nghiệp	Giảm ô nhiễm môi trường, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, hướng tới kinh tế tuần hoàn.	Khảo sát nguồn chất thải; lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp; mô hình ủ phụ phẩm, chế phẩm sinh học, tái sử dụng chất thải; tuyên truyền nhân rộng.	01 - 02 mô hình xử lý/tái sử dụng chất thải; quy trình kỹ thuật; báo cáo đánh giá hiệu quả môi trường và kinh tế.	2027 - 2030	Phòng kinh tế xã	Các phòng chuyên môn, doanh nghiệp, HTX, thôn, buôn	Ngân sách môi trường, KHCN, ĐMST, chương trình mục tiêu và xã hội hóa

09	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, kết nối và tiêu thụ sản phẩm địa phương	Hỗ trợ hộ dân, HTX, cơ sở sản xuất tiếp cận thị trường, nâng cao khả năng tiêu thụ.	Xây dựng nội dung số; quảng bá sản phẩm trên nền tảng số; hướng dẫn thương mại điện tử; mã QR; thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối doanh nghiệp tiêu thụ.	Gian hàng/kênh giới thiệu sản phẩm số; sản phẩm được số hóa thông tin; cơ sở sản xuất được tập huấn kỹ năng kinh doanh số.	2026 - 2030	Phòng kinh tế xã	HTX, hộ SXKD, doanh nghiệp, đoàn thể	Ngân sách địa phương và xã hội hóa
10	Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cơ sở	Nâng cao năng lực tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng công nghệ của cán bộ và người dân.	Tổ chức/đăng ký các lớp tập huấn về KHCN, AI, dữ liệu, CDS, sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử; đào tạo Tổ CNSCĐ.	Hàng năm tổ chức hoặc tham gia các lớp đào tạo; đội ngũ cán bộ, Tổ CNSCĐ và người dân được nâng cao kỹ năng.	Hàng năm	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Sở KH&CN, doanh nghiệp công nghệ	Ngân sách KHCN, CDS và nguồn hợp pháp khác
11	Xây dựng cơ chế kết nối, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ từ viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp	Huy động nguồn lực bên ngoài để giải quyết các bài toán thực tiễn của xã.	Lập danh mục nhu cầu công nghệ; kết nối chuyên gia, viện, trường, doanh nghiệp; tổ chức khảo sát, trình diễn; tiếp nhận và chuyển giao công nghệ.	Danh mục nhu cầu công nghệ; biên bản/hợp tác kết nối; các mô hình hoặc giải pháp được chuyển giao.	2026 - 2030	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Sở KH&CN, viện, trường, doanh nghiệp, HTX	Ngân sách NN và nguồn xã hội hóa

12	Xây dựng và nhân rộng các sáng kiến, giải pháp đổi mới sáng tạo trong hoạt động của chính quyền và cộng đồng	Khuyến khích cán bộ, người dân chủ động đề xuất sáng kiến giải quyết vấn đề thực tế.	Phát động phong trào sáng kiến; tiếp nhận, đánh giá; lựa chọn giải pháp có hiệu quả; thí điểm và nhân rộng.	Hàng năm có danh mục sáng kiến/giải pháp; lựa chọn các sáng kiến có khả năng ứng dụng; mô hình được nhân rộng.	2026 - 2030	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, thôn, buôn	Ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác
----	--	--	---	--	-------------	---------	---	---

Ghi chú: Các nhiệm vụ trong Phụ lục là danh mục định hướng. Hàng năm, UBND xã căn cứ tình hình thực tế, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, khả năng cân đối nguồn lực và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên để lựa chọn, cụ thể hóa nhiệm vụ và lập dự toán kinh phí thực hiện.